

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 07 – 01 – 2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương;

2. Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim X, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số 154, tổ 4, ấp Long Châu, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số 43, tổ 02, ấp Vĩnh Lợi, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn chị X trình bày như sau:

Chị X và anh T kết hôn vào ngày 26/02/2013, chung sống được 05 năm, có 02 con chung. Năm 2015, chị X phát hiện anh T có tham gia cờ bạc, cá độ bóng đá dẫn đến thiếu nợ. Anh T hứa sẽ thay đổi, không cờ bạc nhưng vẫn tiếp tục tham gia cờ bạc, tiếp tục thiếu nợ, gây nhiều mâu thuẫn trong gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 tháng, chị X nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Phan Ngọc V, sinh ngày 06/3/2014 và Nguyễn Phan Ngọc Th, sinh ngày 14/9/2017, khi ly hôn chị X yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, vợ chồng có 6.050m² đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04327 cấp ngày 07/01/2014 nhưng

chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị X.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh T: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị X và anh T chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, vợ chồng ly thân đã lâu, anh T tham gia cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân với chị X, không quan tâm cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phan Ngọc V, sinh ngày 06/3/2014 và Nguyễn Phan Ngọc Th, sinh ngày 14/9/2017. Hiện hai con đang do chị X trực tiếp nuôi, chị X đủ điều kiện nuôi con, anh T không có ý kiến về việc nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị X trực tiếp nuôi, chị X không yêu cầu cấp dưỡng cho hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Lợi, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh T đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị X và anh T chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị X trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do anh T tham gia đánh bạc, không lo làm ăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, không quan tâm cuộc sống vợ chồng. Tại biên bản xác minh, ban ấp Vĩnh Lợi cung cấp thông tin không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, anh T và chị X xác định sống ly thân với anh T đã lâu. Tại phiên tòa, chị X trình bày hiện tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh T không còn, không thể tiếp tục chung sống, do anh T không sửa đổi bản thân nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phan Ngọc V, sinh ngày 06/3/2014 và Nguyễn Phan Ngọc Th, sinh ngày 14/9/2017. Hiện chị X đang trực tiếp nuôi hai con chung. Tại phiên tòa, chị X yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, về điều kiện nuôi con đảm bảo. Anh T không có ý kiến về việc nuôi con chung. Đảm bảo việc nuôi con, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị X tiếp tục nuôi, chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002351 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Kim X được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Kim X được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Phan Ngọc V, sinh ngày 06/3/2014 và Nguyễn Phan Ngọc Th, sinh ngày 14/9/2017. Về cấp dưỡng cho hai con chung, chị X không yêu cầu nên không xem xét.

+ Chị X cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị Kim X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002351 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã VTT;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Anh

